

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 8 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Quốc Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Thanh Mai và bà Dương Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: anh Trần Văn L, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa nhưng đã tự ý bỏ về khi tòa tuyên án mà không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn L tự do yêu đương tìm hiểu và tiến tới đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh L sống thờ ơ, không quan tâm đến vợ con, không thấu hiểu chia sẻ được cùng với chị về mọi vấn đề trong cuộc sống, vì thế mà vợ chồng không có tiếng nói chung, chị cảm thấy không được thấu hiểu, đồng cảm, hai vợ chồng đã ly thân

từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn L.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình như lời trình bày của chị T là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, nên hay cãi vã, mâu thuẫn với nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa nên tình cảm không còn. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022 và bản tự khai ngày 09/6/2022, chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng chỉ có 01 con chung là Trần Bảo Tr, sinh ngày 06/7/2021. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2022 anh Trần Văn L cho biết, vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tuệ Nh, sinh ngày 02/02/2019 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 06/7/2021. Đối với con Nguyễn Tuệ Nh mặc dù trong giấy khai sinh không có tên anh và mang họ mẹ là họ Nguyễn chứ không phải mang họ Trần là họ của anh là do Nguyễn Tuệ Nh sinh ra trước thời điểm anh và chị T đăng ký kết hôn nên chỉ khai sinh mang họ mẹ nhưng anh thừa nhận Nguyễn Tuệ Nh chính là con chung của anh và chị Nguyễn Thị T. Sau ly hôn, nguyện vọng của anh L muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Nguyễn Tuệ Nh, còn giao con Trần Bảo Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2022 chị T thừa nhận Nguyễn Tuệ Nh chính là con chung của chị và anh Trần Văn L như lời trình bày của anh L là đúng thực tế. Sở dĩ ban đầu chị khai như vậy là vì Nguyễn Tuệ Nh mang họ mẹ và không có đăng ký tên cha là anh L nên chị sợ anh L không thừa nhận Nguyễn Tuệ Nh là con của anh và cũng sợ Tòa án không chấp nhận. Nay anh L thừa nhận Nguyễn Tuệ Nh là con của anh và chị nên chị cũng khẳng định Nguyễn Tuệ Nh chính là con chung của chị và anh L. Nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Theo lời trình bày của chị T và anh L thì chị T hiện đang làm nghề buôn bán thịt lợn ở chợ nên có thu nhập một tháng từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, còn anh L làm lao động tự do nhưng cũng có thu nhập một tháng từ 10.000.000 đồng trở lên nên cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên tòa cả chị T và anh L một lần nữa thừa nhận Nguyễn Tuệ Nh là con chung của anh chị.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân được một thời gian nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 68, khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 222, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn L; về quan hệ con chung: giao 02 con chung Nguyễn Tuệ Nh, sinh ngày 02/02/2019 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 06/7/2021 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản, nợ chung: chị T anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa anh Trần Văn L có mặt nhưng đã tự ý bỏ về khi tòa tuyên án mà không có lý do chính đáng nên căn cứ vào Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại chị T khẳng định vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nên chị kiên quyết xin ly hôn anh L để sớm ổn định cuộc sống bản thân, còn anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét Nguyễn Tuệ Nh mặc dù trong giấy khai sinh không có đăng ký tên cha là anh Trần Văn L, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh L và chị T không có tranh chấp gì về con chung, cả hai đều

thừa nhận Nguyễn Tuệ Nh chính là con chung của anh chị, điều này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 và khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình mà không cần phải chứng minh. Xét điều kiện kinh tế, nguyện vọng được nuôi con của chị T và điều kiện kinh tế, nguyện vọng được nuôi con của anh L, Hội đồng xét xử thấy, về điều kiện kinh tế cả chị T và anh L đều có đủ điều kiện để nuôi được hai con và nguyện vọng được nuôi con của chị T và anh L đều là chính đáng. Tuy nhiên, hiện cháu Trần Bảo Tr mới 13 tháng tuổi về nguyên tắc phải được giao cho chị T trực tiếp nuôi, còn Nguyễn Tuệ Nh mới được 42 tháng tuổi, từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại cả hai con đều ở cùng nhau và hiện giờ đang ở cùng với chị T, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai con. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị T là giao 02 con chung Nguyễn Tuệ Nh và Trần Bảo Tr cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sẽ đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho 02 người con, anh L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu là phù hợp với thực tế của hai bên cũng như phù hợp với quy định tại các Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 68, Điều 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn L. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu L pháp luật.

2. Về con chung: xử giao 02 con chung Nguyễn Tuệ Nh, sinh ngày 02/02/2019 và Trần Bảo Tr, sinh ngày 06/7/2021 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Văn L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cũng như có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003157 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
 - VKSND huyện Bồ Trạch;
 - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
 - UBND xã Đồng Trạch
- GCNKH: số 35 ngày 23/12/2021;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Quốc Tân